

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28.9.2022

V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thông**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Minh Trinh** và ông **Lê T Bình**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Vĩnh** - Kiểm sát viên.
- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tới** - Cán bộ TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Thanh T** - sinh năm 1984. Nơi đăng ký HKTT: phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ liên hệ: phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. (Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Dương Hữu Đ** - sinh năm: 1986

Nơi đăng ký HKTT: phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. (Ông Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà **Phạm Thị Thanh T** trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông **Dương Hữu Đ** kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà và ông Đ chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Đến khoảng tháng 5 năm 2015, để cải thiện điều kiện kinh tế và cuộc sống gia đình nên chúng tôi vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn và sinh sống. Đến tháng 8 năm 2015 thì giữa bà và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống. Ông Đ không tu chí làm ăn, chăm sóc vợ con mà còn cáu gắt, chửi bới vợ con. Trong thời gian này, toàn bộ chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà gánh vác. Ông Đ không đóng góp bất kỳ khoản tiền nào để lo cho cuộc sống gia đình và nuôi con nhỏ. Đến khoảng tháng 8

năm 2015 thì ông Đ bỏ đi đâu, làm gì bà T không được rõ. Ông Đ chỉ một vài lần về thăm con nhưng không gửi bất cứ khoản tiền nào để hỗ trợ bà nuôi con nhỏ. Nay bà T nhận thấy bản thân đã không còn tình cảm yêu thương với ông Đ nữa, mục đích hôn nhân không Đ được, bà không thể kéo dài thêm cuộc hôn nhân này nữa. Vì vậy, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Dương Hữu Đ.

- Về con chung: Bà T xác định trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Đ có 01 con chung tên là Dương Thanh T1, sinh ngày 29.3.2013. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có tên như trên và không yêu cầu ông Dương Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị Thanh T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, bà Phạm Thị Thanh T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do khoảng cách địa lý xa và tính chất công việc nên bà không thể có mặt tại phiên tòa được. Đồng thời, bà T có Đơn trình bày ý kiến có nội dung giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Dương Hữu Đ vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung có tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, Đại diện Viện kiểm sát xác định, Tòa án đã thực hiện việc tổng Đ các văn bản tố tụng cho bị đơn và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là đúng quy định của pháp luật. Việc bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81,82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Phạm Thị Thanh T đối với ông Dương Hữu Đ.

- Về con chung: Giao con chung tên là Dương Thanh T1, sinh ngày 29.3.2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Thanh T có đơn khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung đối với ông Dương Hữu Đ. Bị đơn – ông Dương Hữu Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Dương Hữu Đ (theo địa chỉ: Tổ 71, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng), tuy nhiên ông Dương Hữu Đ không còn sinh sống tại địa chỉ nói trên. Qua Biên bản xác minh tại Công an phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng ngày 10.3.2022 thể hiện, ông Dương Hữu Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ này nhưng đến năm 2021, nhà ông Đ đã giải tỏa, ông Đ đi đâu, làm gì không rõ. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập cho ông Đ đến Tòa án để lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án đã đăng tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng gồm: Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân thành phố Đà Nẵng, Báo Nhân Dân và phát sóng trên Trung tâm truyền hình Việt Nam tại Đà Nẵng (VTV8) 03 lần trong 03 ngày liên tiếp theo Thông báo số 247/2022/TB-TA ngày 16.6.2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, bị đơn – ông Dương Hữu Đ đều vắng mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa, ông Dương Hữu Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Dương Hữu Đ kết hôn với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Xuân, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thanh T vẫn cương quyết xin được ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông Đ nữa. Về phía ông Đ, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ và có thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông Đ tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do thể hiện ông Đ không có thiện chí và không mong muốn đoàn tụ gia đình với bà T. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T và ông Đ mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Thanh T đối với ông Dương Hữu Đ.

[3.2] Về con chung: Bà Phạm Thị Thanh T xác định trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Đ có 01 con chung tên là Dương Thanh T1, sinh ngày 29.3.2013. Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có tên như trên và không yêu cầu ông Dương Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi giải quyết cho ly hôn thì việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chưa thành niên và có xem xét đến nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Hiện nay, cháu Dương Thanh T1 có giới tính nữ, hiện đang sống ổn định cùng bà T tại thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, xét nguyện vọng của cháu T1 muốn được sống cùng với mẹ. Do đó, Tòa án quyết định giao con chung là Dương Thanh T1, sinh ngày 29.3.2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng: Do bà Phạm Thị Thanh T không yêu cầu ông Dương Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà Phạm Thị Thanh T xác định trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Dương Hữu Đ không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Phạm Thị Thanh T phải chịu;

- Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng gồm: Thông báo trên Báo Nhân Dân số tiền là 3.600.000 đồng (theo Hóa đơn GTGT số: 00001120 ngày 22.6.2022); Thông báo trên Trung tâm truyền hình Việt Nam khu vực Miền Trung – Tây Nguyên là 660.000 đồng (theo Hóa đơn GTGT số 00000216 ngày 16.6.2022). Bà Phạm Thị Thanh T chịu, đã nộp và chi phí xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 40; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của bà Phạm Thị Thanh T đối với ông Dương Hữu Đ.

Xử :

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn với ông Dương Hữu Đ.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Dương Thanh Trúc, sinh ngày 29.3.2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Dương Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Phạm Thị Thanh T phải chịu là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai thu số 0000688 ngày 02.3.2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

- Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng gồm: Thông báo trên Báo nhân dân số tiền là 3.600.000 đồng (theo Hóa đơn GTGT số: 00001120 ngày

22.6.2022); Thông báo trên Trung tâm truyền hình Việt Nam khu vực Miền Trung – Tây Nguyên là 660.000 đồng(theo Hóa đơn GTGT số 00000216 ngày 16.6.2022). Bà Phạm Thị Thanh T chịu, đã nộp đủ và chi phí xong.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Tr-êng hập QuyŔt  Đnh thi h nh theo quy  Đnh t i Si u 2 Lu t thi h nh ,n đ n s  th  ng- i ph i thi h nh ,n đ n s  c  quyền th a thu n thi h nh ,n, quyền y u c u thi h nh ,n, t  nguy n thi h nh ,n ho c b  c- ng ch  thi h nh ,n theo quy  Đnh t i c c Si u 6, 7 v  9 Lu t thi h nh ,n đ n s ; th i hi u thi h nh ,n  - c th c hi n theo quy  Đnh t i Si u 30 Lu t thi h nh ,n đ n s .

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Vĩnh Xuân;
- huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Thông